

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29 - 3- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quang Tuấn, bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 11/03/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình D; sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1986

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh Nguyễn Đình D, vắng mặt chị Bùi Thị V (Chị V đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đình D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Anh D1 và chị V đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh D1 xác định tình cảm vợ chồng không

còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 23/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 21/9/2011. Từ khi sống ly thân đến nay cả hai cháu đều ở với anh D1. Sau khi ly hôn, anh D1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh D1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/02/2024 chị Bùi Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2007 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ, chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2018, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay, xét thấy tình cảm không còn nữa, anh D có làm đơn xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành nên chị đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 23/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 21/9/2011. Từ khi sống ly thân đến nay cả hai cháu đều ở với anh D. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cả hai cháu cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Về tài sản: Chị V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Tuy nhiên Trong Hồ sơ vụ án thể hiện không có biên bản về việc thẩm phán mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự theo Điều 211 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình D được ly hôn chị Bùi Thị V.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 23/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 21/9/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.
- Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với chị Bùi Thị V. Chị V cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D1 và chị V đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa có mặt anh D1, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị V.

[2] Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án, nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[3] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tuy nhiên Tòa án không tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và không thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự đây là thiếu sót. Tuy nhiên trước khi nộp đơn đến tòa án Người khởi kiện đã gửi đơn khởi kiện và bản sao tài liệu cho người bị kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ghi rõ tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của người bị kiện. Bị đơn đã nộp bản tự khai tại Tòa án và nộp đơn đề nghị giải quyết xét xử vụ án vắng mặt. Tại bản tự khai giao nộp cho Tòa án bị đơn không có ý kiến gì về thủ tục tố tụng đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án đến trước khi tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ, bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ gì. Tòa án thu thập được tài liệu chứng cứ là Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và đã có thông báo về kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các đương sự được biết. Do đó việc Tòa án không mở phiên họp công khai chứng cứ không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Do đó HĐXX quyết định vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình D và chị Bùi Thị V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh D1 và chị V sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Điều đó chứng tỏ anh D1 và chị V đã vi phạm nghiêm

trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Đình D được ly hôn chị Bùi Thị V.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Đình D và chị Bùi Thị V có 02 con chung là Nguyễn Đình K, sinh ngày 23/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 21/9/2011. Anh D1 và chị V đều có nguyện vọng giao cả hai cháu cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của các cháu muốn được ở với bố. Xét nguyện vọng của hai bên là chính đáng, đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh D1 và chị V, sau khi ly hôn giao cả hai cháu cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D1 không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị V cũng đồng ý không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D1. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc anh D1 không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D1.

[6] Về tài sản: Anh Duy và chị V không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Anh D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình D được ly hôn chị Bùi Thị V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 23/7/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 21/9/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Chị Bùi Thị V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002231 ngày 11/01/2024. Anh D đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Nguyễn Đình D, vắng mặt chị Bùi Thị V. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị V quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Minh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Ân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

